

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017
và kết thúc vào ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDING

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 – 04
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 – 06
4. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 – 35

330
C
C
GT
Y/P
031344
C
PKF
CH
TH
H
ANH PH

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Mã số thuế: 0303527483

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

352
DN
S P
HO
C
0640
G TY
VIỆT
NHÀ
NH P
CHÍ M
C H

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
- Ông Kakazu Shogo	Chủ tịch (kiêm Tổng Giám đốc)	05/06/2015	
- Ông Ryotaro Ohtake	Thành viên	05/06/2015	
- Ông Shimabukuro Yoshihiko	Thành viên	05/06/2015	
- Ông Takuto Kudo	Thành viên	08/01/2016	26/06/2017
- Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên	08/01/2016	
- Ông Lê Minh Đức	Thành viên	26/06/2017	

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
- Ông Lê Quốc Duy	Trưởng ban	26/06/2017	
- Ông Takayuki Jitsuhara	Trưởng ban	10/08/2016	26/06/2017
- Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	26/06/2017	
- Bà Bùi Thị Ngà	Thành viên	26/07/2017	

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng quản trị Công ty được yêu cầu:

748
C TY
H ANH
D IN
O C

001-C
TNHH
NAM
NH
HO
TINH
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Hội đồng quản trị



Kakazu Shogo

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số:018 /2017/BCKT-PKF.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần PGT Holdings được lập ngày 29/08/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PGT Holdings vào ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2016 và báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 06/10/2016 và 30/03/2017.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Tô Bửu Toàn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1201-2016-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.824.316.265	49.490.585.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.996.782.228	19.465.809.188
1. Tiền	111		3.796.782.228	12.398.537.581
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.200.000.000	7.067.271.607
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.336.772.267	1.254.007.755
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	14.336.772.267	1.254.007.755
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.492.342.838	26.914.861.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.993.912.208	36.107.057.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	661.674.681	661.016.715
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	2.000.000.000	9.967.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.819.302.460	17.175.409.089
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(39.982.546.511)	(36.995.622.126)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	40.511.921	-
1. Hàng tồn kho	141		40.511.921	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.957.907.011	1.855.907.419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	194.777.791	159.246.764
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.126.582	29.031.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.640.002.638	1.667.629.479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.184.922.453	28.013.487.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
II. Tài sản cố định	220		25.798.608	28.613.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	25.798.608	28.613.004
<i>Nguyên giá</i>	222		291.287.094	291.287.094
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(265.488.486)	(262.674.090)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		43.000.000	43.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(43.000.000)	(43.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	26.159.123.845	27.984.874.376
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.600.000.000	30.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.440.876.155)	(2.615.125.624)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.009.238.718	77.504.072.963

344
:ÔN
KF
CH
TH
HỒ
/P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.714.035.693	1.787.988.402
I. Nợ ngắn hạn	310		1.714.035.693	1.787.988.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	170.070.934	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.796.000	2.796.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	301.093.339	513.321.231
4. Phải trả người lao động	314		214.449.639	287.201.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	86.363.634
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	25.906.785
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.025.367.425	872.140.408
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.356	258.356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

06
 G T
 VI
 H N
 AN
) CH
 HO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.295.203.025	75.716.084.561
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	66.295.203.025	75.716.084.561
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.418.010.000	92.418.010.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.260.000	55.260.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.703.440.284)	(4.714.059)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.559.758	1.705.559.758
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.180.186.449)	(18.458.031.138)
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.458.031.138)	(11.505.118.229)
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.722.155.311)	(6.952.912.909)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.009.238.718	77.504.072.963

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chi
Kế toán trưởng

Kakazu Shogo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.801.000	3.428.143.411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	6.801.000	3.428.143.411
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	5.001.163.721
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.801.000	(1.573.020.310)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	476.327.297	1.528.991.174
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.826.643.346	676.994.308
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	469.051.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.363.038.643	2.755.646.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.706.553.692)	(3.945.720.882)
11. Thu nhập khác	31	6.7	-	302.454.339
12. Chi phí khác	32	6.8	15.601.619	175.654.339
13. Lợi nhuận khác	40		(15.601.619)	126.800.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.722.155.311)	(3.818.920.882)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.722.155.311)	(3.818.920.882)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Thanh Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chi
Kế toán trưởng

Kakazu Shogo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.722.155.311)	(3.818.920.882)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.10	2.814.396	7.819.849
- Các khoản dự phòng	03		4.812.674.916	670.032.607
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(468.182.556)	(1.658.991.174)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.374.848.555)	(4.800.059.600)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.680.721.217	(12.591.722.153)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.511.921)	(5.024.371)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(73.952.709)	553.447.064
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(35.531.027)	3.033.321.702
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.844.122.995)	(13.810.037.358)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(67.182.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	130.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(46.153.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.967.000.000	49.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(26.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.607.970.788
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		106.822.260	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.926.177.740)	(22.282.211.939)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.698.726.225)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.698.726.225)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.469.026.960)	(36.092.249.297)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	19.465.809.188	49.096.292.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	10.996.782.228	13.004.043.181

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chi
Kế toán trưởng

Kakazu Shogo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty:**

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 35124761
Fax : 028 35124124
Website : <http://www.pgt-holdings.com>
Mã số thuế : 0303527483

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MẪU SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	L14-08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4.5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 06 năm.

4.8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch mua lại cổ phần và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

4.19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4.21. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.3.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	2.676.330.754	321.194.762
Tiền gửi ngân hàng	1.120.451.474	12.077.342.819
Các khoản tương đương tiền (*)	7.200.000.000	7.067.271.607
Cộng	10.996.782.228	19.465.809.188

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cống Quỳnh, có kỳ hạn từ 01 tháng với lãi suất 5,5%/năm theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
200601/HĐTG-SGB.CNCQ.17	20/05/2017	02 tháng	5,5%/năm	1.200.000.000
060601/HĐTG-SGB.CNCQ.17	06/06/2017	01 tháng	5,5%/năm	500.000.000
290602/HĐTG-SGB.CNCQ.17	29/06/2017	01 tháng	5,5%/năm	5.000.000.000
300601/HĐTG-SGB.CNCQ.17	30/06/2017	01 tháng	5,5%/năm	500.000.000
				7.200.000.000

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.336.772.267	-	1.254.007.755	-
Cộng	14.336.772.267	-	1.254.007.755	-

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, với lãi suất từ 6,6%/năm đến 7,35%/năm.

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cống Quỳnh	030101/HĐTG-SGB.CN	03/01/2017	06 tháng	7,15%/năm	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cống Quỳnh	010301/HĐTG-SGB.CN	01/03/2017	06 tháng	7,35%/năm	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - PGD Lê Văn Sỹ	07.2013/LVS PGB	06/10/2017	12 tháng	6,6%/năm	1.336.772.267
					14.336.772.267

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5.3. Phải thu của khách hàng***Phải thu của khách hàng ngắn hạn***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-	113.145.335	-
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	-	-	113.145.335	-
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các khách hàng độc lập</i>	35.993.912.208	35.991.382.208	35.993.912.208	35.991.382.208
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900	561.919.900	561.919.900
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182	297.747.182	297.747.182
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393	137.870.393	137.870.393
- Công ty CP XL Và Thi Công Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000	130.200.000	130.200.000
- Các khách hàng khác	399.730.681	397.200.681	399.730.681	397.200.681
Cộng	35.993.912.208	35.991.382.208	36.107.057.543	35.991.382.208

5.4. Trả trước cho người bán***Trả trước cho người bán ngắn hạn***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan (*)	535.920.000	-	535.920.000	-
- Các nhà cung cấp khác	125.754.681	-	125.096.715	-
Cộng	661.674.681	-	661.016.715	-

(*) Là các khoản trả trước cho Hợp đồng nghiệp vụ tư vấn ký kết ngày 20/08/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MẪU SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**5.5. Phải thu khác*****Phải thu khác ngắn hạn***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	10.000.000	-	20.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	10.000.000	-	10.000.000	-
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	-	-	10.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác là các bên độc lập	15.809.302.460	3.991.164.303	17.155.409.089	1.004.239.918
- Tạm ứng	8.506.775	-	9.643.775	-
- Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	234.633	-
- Phải thu khác	15.800.795.685	3.991.164.303	17.145.530.681	1.004.239.918
+ Ông Nguyễn Văn Hạnh (*)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (**)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-
+ Phải thu khác	727.135.641	726.985.641	740.405.641	740.061.256
+ Công ty TNHH Việc Ở	509.892.493	-	509.892.493	-
+ Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	287.588.889	-	71.053.885	-
+ Ông Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662	264.178.662	264.178.662
+ Phải thu lãi cho vay	12.000.000	-	-	-
+ Đỗ Thị Kim Hồng	-	-	1.560.000.000	-
Cộng	15.819.302.460	3.991.164.303	17.175.409.089	1.004.239.918

(*) Là khoản ứng trước tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTĐT ký ngày 14/12/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng, hợp tác đầu tư và kinh doanh ký ngày 09/03/2016.

(**) Là khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty Cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.

5.6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Cho Công ty TNHH MTV Wacontre vay (*)	2.000.000.000	-	2.153.000.000	-
- Cho Ông Mamada Akio vay	-	-	7.814.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-	9.967.000.000	-

(*) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Wacontre vay theo Hợp đồng cho vay số 03/2017/HĐV/PGT-WA ngày 03/04/2017. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MẪU SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**5.7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****Nợ xấu**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn khách hàng	35.991.382.208	-	35.991.382.208	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	-	27.855.320.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	-	5.207.287.675	-
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	-	1.194.873.000	-
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	-	561.919.900	-
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	-	297.747.182	-
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	-	208.963.377	-
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	-	137.870.393	-
- Công ty CP XL Và Thi Công Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	-	130.200.000	-
- Các khách hàng khác	397.200.681	-	397.200.681	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.991.164.303	-	1.004.584.303	344.385
- Ông Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	-	264.178.662	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành An	3.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	726.985.641	-	740.405.641	344.385
Cộng	39.982.546.511	-	36.995.966.511	344.385

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2017 Đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	36.995.622.126
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.000.344.385
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(13.420.000)
Số cuối kỳ	39.982.546.511

5.8. Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	40.511.921	-	-	-
Cộng	40.511.921	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**5.9. Chi phí trả trước****Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công cụ, dụng cụ	194.777.791	159.246.764
Cộng	194.777.791	159.246.764

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	145.592.965	145.694.129	291.287.094
Mua sắm mới	-	-	-
Số cuối kỳ	145.592.965	145.694.129	291.287.094
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	145.592.965	111.921.402	257.514.367
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	145.592.965	117.081.125	262.674.090
Khấu hao trong kỳ	-	2.814.396	2.814.396
Số cuối kỳ	145.592.965	119.895.521	265.488.486
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	28.613.004	28.613.004
Số cuối kỳ	-	25.798.608	25.798.608

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với giá trị 43.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2017.

5.12. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	19.000.000.000	-	(*) 19.000.000.000	-	-	(*)
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	11.600.000.000	4.440.876.155	(*)	11.600.000.000	2.615.125.624	(*)
Cộng	30.600.000.000	4.440.876.155	(*)	30.600.000.000	2.615.125.624	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư

	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết nắm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết nắm giữ	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con						
- Công ty TNHH MTV Vinh Đại Phát	100,00%	100,00%	19.000.000.000	100,00%	100,00%	19.000.000.000
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	100,00%	100,00%	11.600.000.000	100,00%	100,00%	11.600.000.000
Cộng			30.600.000.000			30.600.000.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)
Số đầu kỳ	2.615.125.624	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.825.750.531	2.615.125.624
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	4.440.876.155	2.615.125.624

5.13. Phải trả người bán**Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	154.854.665	154.854.665	-	-
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	154.854.665	154.854.665	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn là các nhà cung cấp độc lập	15.216.269	15.216.269	-	-
- Các nhà cung cấp khác	15.216.269	15.216.269	-	-
Cộng	170.070.934	170.070.934	-	-

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động của Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	01/01/2017 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		30/06/2017 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Văn phòng Công ty mẹ						
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa phải nộp	-	37.729.821	27.626.841	-	-	10.102.980
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp	-	-	3.961.192	3.961.192	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.629.899.658	-	-	-	1.629.899.658
Thuế thu nhập cá nhân	513.321.231	-	419.710.024	631.937.916	301.093.339	-
Thuế, phí khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	513.321.231	1.667.629.479	423.671.216	663.525.949	301.093.339	1.640.002.638

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của Văn phòng Công ty được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.722.155.311)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	141.601.619
Điều chỉnh tăng	141.601.619
Chi phí không hợp lệ	15.601.619
Thù lao Hội đồng quản trị	126.000.000
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15. Phải trả khác

Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	13.118.600	13.118.600	-	-
- BHXH	688.417	688.417	-	-
- Phải trả khác	1.011.560.408	1.011.560.408	872.140.408	872.140.408
+ Cổ tức phải trả	635.554.070	635.554.070	635.554.070	635.554.070
+ Thù lao Hội đồng quản trị	347.729.600	347.729.600	221.729.600	221.729.600
+ Công ty TNHH Luật S&B	6.710.000	6.710.000	-	-
+ Các khoản phải trả khác	21.566.738	21.566.738	14.856.738	14.856.738
Cộng	1.025.367.425	1.025.367.425	872.140.408	872.140.408

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**5.16. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: 1.000 VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
Số dư đầu kỳ	92.418.010	55.260	(4.714)	1.705.560	(18.458.031)	75.716.085
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(7.722.155)	(7.722.155)
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	(1.698.726)	-	-	(1.698.726)
Số dư cuối kỳ	92.418.010	55.260	(1.703.440)	1.705.560	(26.180.186)	66.295.203

Cổ phiếu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(1.096)
- Cổ phiếu phổ thông	(384.196)	(1.096)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	9.240.705
- Cổ phiếu phổ thông	8.857.605	9.240.705

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017	01/01/2017
- USD	45,90	14.918,30

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn	-	3.428.143.411
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.801.000	-
Cộng	6.801.000	3.428.143.411

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn	-	5.001.163.721
Cộng	-	5.001.163.721

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.144.741	61.107.427
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	406.275.771	1.419.043.090
Lãi cho vay	61.906.785	48.840.657
Cộng	476.327.297	1.528.991.174

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	1.825.750.531	676.994.308
Chi phí khác	892.815	-
Cộng	1.826.643.346	676.994.308

6.5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	-	268.771.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	94.500.962
Chi phí bằng tiền khác	-	105.778.966
Cộng	-	469.051.165

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	2.376.022.340	1.447.475.900
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	29.622.717	11.934.055
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.814.396	-
Thuế, phí và lệ phí	3.040.000	3.000.000
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	2.986.924.385	(6.961.701)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.376.805	1.049.202.570
Chi phí bằng tiền khác	407.238.000	250.995.449
Cộng	6.363.038.643	2.755.646.273

6.7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	130.000.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán CCDC	-	172.454.339
Cộng	-	302.454.339

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MẪU SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**6.8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán CCDC	-	172.454.339
Chi phí khác	15.601.619	3.200.000
Cộng	15.601.619	175.654.339

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	99.600.428
Chi phí nhân viên	2.376.022.340	1.968.376.592
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.622.717	7.819.849
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.814.396	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.376.805	5.662.548.392
Chi phí bằng tiền khác	410.278.000	487.515.898
Cộng	3.376.114.258	8.225.861.159

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi cho vay chưa thu	12.000.000
Lãi cho vay năm 2017 nhận trước trong năm 2016	25.906.785
Lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu	287.588.889
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	35.864.622

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

8.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2016 và báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt.

8.3. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phát sinh trong năm:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tiền lương	739.080.000	794.413.846
Thù lao	126.000.000	117.000.000
Cộng	865.080.000	911.413.846

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	Công ty con
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel		
- Thuê văn phòng	188.000.000	94.275.071
- Chi hộ	-	10.000.000
- Thu tiền chi hộ	10.000.000	-
- Cấn trừ công nợ	113.145.335	-

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel		
Phải thu nhượng bán thanh lý TSCĐ	-	113.145.335
Phải thu khác	-	10.000.000
Phải trả nhà cung cấp	154.854.665	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát		
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**8.4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*****So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ***

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.996.782.228	10.996.782.228	19.465.809.188	19.465.809.188
Phải thu khách hàng	35.993.912.208	2.530.000	36.107.057.543	115.675.335
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.336.772.267	14.336.772.267	1.254.007.755	1.254.007.755
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	2.000.000.000	9.967.000.000	9.967.000.000
Các khoản phải thu khác	15.819.302.460	11.828.138.157	17.175.409.089	16.171.169.171
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
Phải trả cho người bán	(170.070.934)	(170.070.934)	-	-
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(301.093.339)	(301.093.339)	(513.321.231)	(513.321.231)
Phải trả người lao động	(214.449.639)	(214.449.639)	(287.201.988)	(287.201.988)
Chi phí phải trả	-	-	(86.363.634)	(86.363.634)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(258.356)	(258.356)	(258.356)	(258.356)
Các khoản phải trả khác	(1.025.367.425)	(1.025.367.425)	(872.140.408)	(872.140.408)
Cộng	77.435.529.470	37.452.982.959	82.209.997.958	45.214.375.832

8.5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

MÃ SỐ B09a/DN

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá (VND)	Đã quá hạn và bị giảm giá (VND)	Cộng (VND)
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.996.782.228	-	10.996.782.228
Phải thu khách hàng	2.530.000	35.991.382.208	35.993.912.208
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.336.772.267	-	14.336.772.267
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	11.828.138.157	3.991.164.303	15.819.302.460
Cộng	39.164.222.652	39.982.546.511	79.146.769.163

8.6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống (VND)	Trên 01 năm đến 05 năm (VND)	Cộng (VND)
30/06/2017			
Phải trả cho người bán	170.070.934	-	170.070.934
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	301.093.339	-	301.093.339
Phải trả người lao động	214.449.639	-	214.449.639
Các khoản phải trả khác	1.025.367.425	-	1.025.367.425
Cộng	1.711.239.693	-	1.711.239.693

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8.7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**Rủi ro ngoại tệ**

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8.8. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Thanh Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chi
Kế toán trưởng



Kakazu Shogo
Chủ tịch Hội đồng quản trị